

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tường.

Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Tuyến D, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: đội 2, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện M, thành phố H.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Nơi thường trú: đội 2, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện M, thành phố H.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1.

(Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Tuyến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh D trình bày: Anh D và chị Nguyễn Thị T có tình cảm và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 18/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng làm lao động tự do và sinh sống tại thị trấn Đại Nghĩa. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, hoà thuận

đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, chị T không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 11 năm 2013 chị T vi phạm pháp luật và hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam T1. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn, được gia đình hai bên khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2013 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống mới. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 12/6/2008. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T2 ở với anh. Nay ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: Anh D xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại các buổi làm việc và hiện chị T đang chấp hành án tại Trại giam T1. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị T. Tuy nhiên, chị T không có văn bản trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tuyến D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T. Chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm trình bày như sau: Chị đồng ý ly hôn với anh D; chị xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 12/6/2008 và đồng ý giao cháu T2 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn anh Nguyễn Tuyến D đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Tuyến D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 12/6/2008 cho anh Nguyễn Tuyến D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Thẩm có quyền tham nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Tuyền D khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại đội 2, TDP Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuyền D và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2007 tại UBND thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đây là hôn nhân hợp pháp. Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm lối sống, anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập họp lệ, tiến hành hoà giải nhưng chị T không có mặt do đang phải chấp hành án trong trại giam nên không thể hoà giải được. Chị T cũng có quan điểm trình bày là nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận là không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

- Về con chung: Anh D và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 12/6/2008. Anh D đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T đồng ý với yêu cầu về con chung của anh D. Cháu T2 có nguyện vọng xin được ở với anh D sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh D, chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, cháu Nguyễn Phương Thủy cho anh Nguyễn Tuyền D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công sức và nợ chung: Anh D, chị T đều không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tuyền D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tuyến D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuyến D được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 12/6/2008 cho anh Nguyễn Tuyến D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tuyến D không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: anh Nguyễn Tuyến D và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tuyến D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008191 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND thị trấn Đại Nghĩa (nơi đăng ký kết hôn);
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng